

Số: 144/2018/QĐST-HNGĐ

Bình Sơn, ngày 10 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số : 232/2018/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Xóm B, thôn T, xã BN, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện Ný: Số 281 đường PNT, KP 6, phường HT, TP.M, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc N, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Xóm B, thôn T, xã BN, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Ngọc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Ngọc N xác định anh, chị có một con chung họ và tên là: Bùi Nguyên Kh, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2014 (hiện đang ở với anh N).

2.2. Về giao nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Ngọc N tự nguyện thỏa thuận giao cho anh Bùi Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Nguyên Kh, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2014.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Ngọc N tự nguyện thỏa thuận, chị Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Ngọc N nuôi cháu Bùi Nguyên Kh, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

2.4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Ngọc N xác định, anh và chị không có nợ ai và không ai nợ anh, chị.

2.6. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng; tổng cộng: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng chị T được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002428 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND; Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã BN, huyện BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN

Lê Quang Toại